

Số: 123/QĐ-TTYT

Cô Tô, ngày 16 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu thuộc dự toán mua sắm: Mua trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn tại Trung tâm Y tế huyện Cô Tô năm 2024

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CÔ TÔ

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 2 năm 2024 của Thủ tướng chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 19/2021/TT-BYT ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định mẫu văn bản, báo cáo thực hiện Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 10/2023/TT-BYT ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BYT ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định mẫu văn bản, báo cáo thực hiện Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01/08/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ thông tư 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu Tư quy định hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2426/QĐ-BYT ngày 15/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn cách chuẩn bị hồ sơ kỹ thuật chung về trang thiết bị y tế theo quy định của ASEAN;

Căn cứ Quyết định 166/QĐ-BYT ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Bộ Trưởng Bộ Y tế về việc ban hành tiêu chí, nguyên tắc đánh giá hồ sơ kỹ thuật chung về thiết bị y tế theo quy định của asean (common submission dossier template - CSDT) đối với thiết bị y tế không phải là thiết bị y tế in vitro;

Căn cứ Căn cứ Quyết định số 3644/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện Cô Tô trực thuộc Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 50/QĐ-SYT ngày 12/01/2023 của Sở Y tế Quảng Ninh về việc ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 của UBND tỉnh về Phê duyệt Đề án Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị để nâng cao năng lực cơ sở y tế tỉnh Quảng Ninh năm 2024 (giai đoạn I);

Căn cứ Quyết định số 201/QĐ-SYT ngày 22/3/2024 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh về việc giao dự toán kinh phí đề án tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị để nâng cao năng lực cơ sở y tế tỉnh Quảng Ninh năm 2024 (giai đoạn I) cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế (đợt 4);

Căn cứ Quyết định số 122/QĐ-TTYT ngày 13/7/2024 của Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Cô Tô về việc phê duyệt dự toán gói thầu thuộc dự toán mua sắm: Mua trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn tại Trung tâm Y tế huyện Cô Tô năm 2024;

Căn cứ tờ trình số 36/TTr –HDMS ngày 16/7/2024 của Hội đồng mua sắm về việc Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn tại Trung tâm Y tế huyện Cô Tô năm 2024. Trên cơ sở báo cáo thẩm định của Tổ thẩm định KHCLNT được lập ngày 16/7/2024;

Theo đề nghị của Phụ trách Phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ và Tài chính kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc dự toán mua sắm: Mua trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn tại Trung tâm Y tế huyện Cô Tô năm 2024. (Chi tiết tại phụ lục I,II kèm theo):

Điều 2. Hội đồng mua sắm, sửa chữa của Trung tâm Y tế huyện Cô Tô chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu thuộc dự toán mua sắm: Mua trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn tại Trung tâm Y tế huyện Cô Tô năm 2024 đã được phê duyệt đảm bảo tuân thủ các

quy định hiện hành.

Bộ phận kế toán chịu trách nhiệm tổ chức giám sát hoạt động đấu thầu được giao theo Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên của Hội đồng mua sắm, các ông (bà) Trưởng các phòng ban có liên quan căn cứ Quyết định để thực hiện và triển khai các bước tiếp theo như quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- BGĐ (đ/b);
- Như điều 3 (t/h);
- Bộ phận CNTT (đăng tải Website)
- Lưu: VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Giang

PHỤ LỤC I: KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU DỰ TOÁN MUA SẮM
Mua trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn tại Trung tâm Y tế huyện Cô Tô năm 2024.

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-TTYT ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Trung tâm y tế huyện Cô Tô)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	Trung tâm y tế huyện Cô Tô	Gói thầu số 01: Mua trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn tại Trung tâm Y tế huyện Cô Tô năm 2024.	Mua thiết bị y tế	905.000.000	Nguồn NSNN không tự chủ năm 2024	Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn một túi hồ sơ	120 ngày kể từ ngày phát hành E-HSMT	Quý III, quý IV /2024	Trọn gói	120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không áp dụng	Bộ phận kế toán Trung tâm y tế huyện Cô Tô
2	Trung tâm y tế huyện Cô Tô	Gói thầu số 02: Tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT	Tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT	5.000.000	Nguồn NSNN chi thường xuyên năm 2024,	Chỉ định thầu rút gọn	Không	30 ngày	Quý III /2024	Trọn gói	90 ngày	Không áp dụng	Không áp dụng

					nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị								
3	Trung tâm y tế huyện Cô Tô	Gói thầu số 03: Tư vấn thẩm định E-HSMT và thẩm định KQLCNT	Tư vấn thẩm định E-HSMT và thẩm định KQLCNT	4.000.000	Nguồn NSNN chi thường xuyên năm 2024, nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị	Chỉ định thầu rút gọn	Không	30 ngày	Quý III /2024	Trọn gói	90 ngày	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu				914.000.000, VNĐ <i>(Bằng chữ: Chín trăm mười bốn triệu đồng chẵn)</i>									

PHỤ LỤC II: DANH MỤC HÀNG HÓA
Mua trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn tại Trung tâm Y tế
huyện Cô Tô năm 2024.

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-TTYT ngày 16/7/2024 của TTYT huyện Cô Tô)

STT	Danh mục và đặc tính thông số tối thiểu của hàng hóa	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
I	Máy theo dõi sản khoa 2 chức năng		Cái	01	109.000.000	109.000.000
a	Yêu cầu chung					
	- Sản xuất năm 2023 trở về sau					
	- Chất lượng: Hàng mới 100%					
	- Xuất xứ: Thuộc các nước G7					
	- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 ; FDA					
	- Nguồn cấp: 100 - 240V ; 50/60Hz					
	- Nhiệt độ hoạt động: 5 - 40 ⁰ C					
	- Độ ẩm: 25 - 80%					
b	Cấu hình yêu cầu					
	- Máy chính: 01 chiếc					
	- Đầu dò đo tim thai FHR: 01 chiếc					
	- Đầu dò đo cơn co TOCO: 01 chiếc					
	- Đai: 03 chiếc					
	- Giấy in: 03 tệp					
	- Thiết bị đánh dấu: 01 chiếc					
	- Gel siêu âm (250g): 01 lọ					
	- Xe đẩy: 01 chiếc					
	- Pin: 01 chiếc					
	- Hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ					
c	Chỉ tiêu kỹ thuật					
-	Đặc tính:					
	- Màn hình màu LCD dạng sóng và số lớn.					
	- Công nghệ dò tim thai (FHR) tiên tiến					
	Chỉ dẫn dấu hiệu tim thai FHR giúp tối ưu hóa vị trí đầu dò					
	Đầu dò FHR chống thấm nước					
	Tích hợp máy in nhiệt					
	Nhiều tùy chọn in linh hoạt					

	Tốc độ in nhanh 15mm/giây cho lịch sử dữ liệu				
	Bộ nhớ lớn, tích hợp để theo dõi liên mạch				
	Cổng USB tăng khả năng lưu trữ.				
	Giao diện RS232				
	Phần mềm thông tin chi tiết để quản lý dữ liệu trên PC.				
	Khả năng phân tích CTG				
	Các chức năng chuông báo đa năng				
	Các mode đa hiển thị				
	Chức năng đánh dấu từ xa				
	Dễ dàng mang vác và di chuyển				
-	Hiển thị				
	Màn hình màu 5.6 inch				
	Độ phân giải: RGB 640 x 480				
-	Siêu âm doppler xung tự động đối chiều				
	Tần số lặp xung: 2KHz				
	Tần số: 1.0 MHz \pm 10%				
	Dải đo tim thai FHR : 50- 240 nhịp / phút				
	Độ phân giải: 1 nhịp/phút				
	Độ chính xác : \pm 2 nhịp/phút				
	IOB: <10 mW/cm ²				
-	TOCO				
	Dải: 0 – 100%				
	Lỗi phi tuyến tính: \pm 10%				
	Độ phân giải: 1%				
	Mode: Tự động – Bằng tay				
-	AFM				
	Kỹ Thuật : Siêu âm Doppler xung				
	Dải: 0 – 100%				
	Độ phân giải: 1%				
-	Phương pháp đo đánh dấu thai nhi : đánh dấu từ xa				
	Bộ phận ghi				
	Giấy in nhiệt: 150/152mm				
	Tốc độ ghi: 1/2/3 cm/phút, 15 mm/giây				
	Độ rộng in FHR: 70mm(tiêu chuẩn Mỹ) - 80mm (tiêu chuẩn Quốc tế)				

	Chia tỉ lệ FHR: 20bpm/cm (tiêu chuẩn Quốc tế) - 30bpm/cm (tiêu chuẩn Mỹ)					
	Độ rộng in TOCO: 40mm					
	Pin sạc: 14.8V/ 2500 mAh					
	Thời gian làm việc: 2 tiếng					
	Tuổi thọ: 300 lần					
d	Yêu cầu khác					
	Thời gian giao hàng: trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng					
	Xuất xứ hàng hóa theo đúng chào giá (có giấy cam kết kèm theo)					
	Thời gian bảo hành máy kể từ ngày nghiệm thu: 12 tháng					
	Nhà cung cấp chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành, sử dụng, hướng dẫn việc bảo quản và sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật tại nơi lắp đặt, sử dụng.					
	Nhà cung cấp có cơ sở vật chất và đội ngũ kỹ thuật có đủ khả năng bảo hành và bảo trì. Sẵn sàng cung cấp các dịch vụ sau bán hàng trong vòng 01 tuần kể từ khi nhận được yêu cầu từ phía bên mua/người sử dụng					
	Nhà cung cấp cam kết cung cấp dịch vụ sau bán hàng sau thời gian bảo hành theo yêu cầu của người sử dụng					
	Cung cấp đầy đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt và Anh					
2	Máy xét nghiệm đông máu tự động (công suất ≥ 60 xét nghiệm/giờ)	Cái	01	796.000.000	796.000.000	
a	Yêu cầu chung					
	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất năm 2023 - Chất lượng: Hàng mới 100% - Xuất xứ: Thuộc các nước G7 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 - Nguồn cấp: 100 - 240V/47-63Hz - Môi trường hoạt động: <ul style="list-style-type: none"> + Nhiệt độ vận hành: 17 - 28⁰C + Nhiệt độ bảo quản: 10 - 40⁰C 					

	+ Độ ẩm: 50 - 80%					
b	Cấu hình yêu cầu					
	<p>Máy chính: 01 máy</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bộ máy tính (case máy tính đi kèm theo máy, màn hình, bàn phím, chuột mua tại Việt Nam): 01 bộ • UPS Online 1 kVA (mua trong nước): 01 chiếc • Máy in laser khổ giấy A4 (mua trong nước): 01 bộ • Bộ hoá chất ban đầu để chạy 3 thông số đông máu cơ bản PT, APTT, FIB: 01 bộ bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> o Hóa chất PT: 1 hộp o Hóa chất APTT: 1 hộp o Hóa chất Fib: 1 hộp o Clean Solution: 1 hộp o Cuvette: 1 thanh • Tài liệu hướng dẫn sử dụng (tiếng Anh + tiếng Việt): 01 bộ 					
c	Thông số kỹ thuật					
	<p>Máy đo được các thông số: PT, APTT, Fibrinogen, các yếu tố đông máu đặc biệt AT III, D-dimer</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hệ thống mở dùng được hầu hết các thuốc thử thông dụng • Số vị trí nạp mẫu: 32 vị trí • Số vị trí nạp hóa chất: 16 vị trí được làm mát • Số vị trí nạp chất control: 4 vị trí • Khả năng nạp cuvettes: 240 tests. • Có khả năng nạp lại cuvettes, bệnh phẩm, hóa chất bất kỳ thời điểm nào • Tự động pha loãng trước • Tự động lập đường cong chuẩn • Đo nội suy Fibrinogen: có • Nguyên lý: So màu, miễn dịch sử dụng 2 bước sóng 405 và 620 nm • Khả năng đo đồng thời: 4 test (4 kênh đo) 					

	<ul style="list-style-type: none"> • Tốc độ: 160 xét nghiệm/giờ (PT) • Có thể chạy mẫu cấp cứu bất kỳ thời điểm nào • Khả năng tiết kiệm cuvettes khi không sử dụng hết các giếng đo (rack return) • Chương trình QC: Có • Nhiệt độ buồng ủ: $40.5^{\circ}\text{C} \pm 0.8^{\circ}\text{C}$ • Nhiệt độ buồng đo: $38^{\circ}\text{C} \pm 0.8^{\circ}\text{C}$ • Nhiệt độ làm lạnh hóa chất: $16^{\circ}\text{C} - 22^{\circ}\text{C}$ • Hệ điều hành: Linux • Kết nối LIS: RS 232 hoặc LAN • Dung tích mẫu xét nghiệm (huyết tương + thuốc thử): tối thiểu 150 μl, tối đa 260 μl 					
d	Các yêu cầu khác					
	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian giao hàng: trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng - Xuất xứ hàng hóa theo đúng chào giá (có giấy cam kết kèm theo) - Thời gian bảo hành máy kể từ ngày nghiệm thu: 12 tháng - Nhà cung cấp chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành, sử dụng, hướng dẫn việc bảo quản và sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật tại nơi lắp đặt, sử dụng. - Nhà cung cấp có cơ sở vật chất và đội ngũ kỹ thuật có đủ khả năng bảo hành và bảo trì. Sẵn sàng cung cấp các dịch vụ sau bán hàng trong vòng 01 tuần kể từ khi nhận được yêu cầu từ phía bên mua/người sử dụng - Nhà cung cấp cam kết cung cấp dịch vụ sau bán hàng sau thời gian bảo hành theo yêu cầu của người sử dụng - Cung cấp đầy đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt và Anh 					
	Tổng cộng					905.000.000

Bằng chữ: Chín trăm không năm triệu đồng chẵn./.